

## PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM E-HSMT

**Gói thầu: Công tác thí nghiệm định kỳ và CBM lưới 22kV năm 2026 (CS1)**

**Dự toán: Công tác thí nghiệm định kỳ và CBM lưới 22kV năm 2026 (CS1)**

**Bổ sung một số nội dung của Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng**

<b>E-ĐKC 5.2</b>	<p>Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Sau khi Bên A gửi thư chấp thuận hồ sơ dự thầu và trao hợp đồng, Bên B phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo yêu cầu. Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải là bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang do một Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành (theo Mẫu bảo lãnh thực hiện hợp đồng tại E-HSMT) [<i>Bảo lãnh thực hiện hợp đồng phải có chữ ký của người đại diện hợp pháp của ngân hàng (là người đại diện theo pháp luật của ngân hàng hoặc người được ủy quyền và kèm theo bản sao phân cấp ký và phát hành thư bảo lãnh)</i>].</li><li>- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: Trong quá trình thực hiện hợp đồng Bên B phải đảm bảo giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng là <b>5% giá trị của hợp đồng đối với mọi trường hợp</b>.</li><li>- Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: <b>425 ngày</b> kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Nếu Bên B chưa hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng tại thời điểm 28 ngày trước ngày bảo đảm thực hiện hợp đồng hết hiệu lực thì Bên B phải gia hạn hiệu lực bảo đảm thực hiện hợp đồng cho đến khi hoàn thành tất cả công việc của hợp đồng, đồng thời phải nộp cho Bên A trước thời điểm hết hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng tối thiểu 21 ngày. Bên B phải thanh toán chi phí cho việc gia hạn bảo đảm thực hiện hợp đồng.</li><li>- Trường hợp bảo đảm thực hiện hợp đồng hết hiệu lực trước ngày quy định nêu trên nhưng Bên bán vẫn chưa hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng, Bên bán sẽ chịu trách nhiệm gia hạn hiệu lực Bảo đảm thực hiện hợp đồng và thanh toán chi phí cho việc gia hạn này.</li><li>- Trường hợp Bên B là nhà thầu liên danh thì từng thành viên phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Bên A, mức bảo đảm tương ứng với phần giá trị hợp đồng mà mỗi thành viên thực hiện. Nếu liên danh có thỏa thuận nhà thầu đứng đầu liên danh nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng thì nhà thầu đứng đầu liên danh nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng với giá trị là 5% giá trị của hợp đồng cho Bên A và từng thành viên liên danh phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng cho nhà thầu đứng đầu liên danh tương ứng với giá trị hợp đồng do mình thực hiện.</li><li>- Tịch thu bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh thực hiện hợp đồng trong các trường hợp sau: (1)</li></ul>
------------------	---

	<p>Bên B từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng đã có hiệu lực; (2) Bên B vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng; (3) Bên B thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng; (4) Bên B không gia hạn bảo lãnh đúng hạn theo quy định của Hợp đồng; (5) Bên A có bằng chứng trong việc Bên B sử dụng tiền thanh toán cho hợp đồng này sai mục đích.</p> <p>- Nếu nhà thầu là nhà thầu liên danh, bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định tại các trường hợp trên thì Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh của tất cả các thành viên của liên danh.</p>
<b>E-ĐKC 8</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian thực hiện hợp đồng: 425 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.</li> <li>- Thời gian thực hiện gói thầu: 395 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.</li> <li>- Thời gian thực hiện dịch vụ (ngày hoàn thành dịch vụ): 365 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực, trong đó thời gian thực hiện thử nghiệm/kiểm định đáp ứng yêu cầu tại STT 3. Phôi hợp thực hiện thử nghiệm/kiểm định – 1. Yêu cầu chung của thử nghiệm/kiểm định - Mục A - Mục II - Chương V E-HSMT.</li> </ul>
<b>E-ĐKC 13.1</b>	<p>Phương thức thanh toán:</p> <p>a) Hình thức thanh toán: chuyển khoản</p> <p>b) Thời hạn thanh toán: Bên A thanh toán cho Bên B 100% giá trị phần công việc đã thực hiện trong vòng 14 ngày kể từ ngày Bên B thực hiện hoàn tất phần công việc đó và cung cấp cho Bên A các hồ sơ hợp lệ theo từng đợt thử nghiệm/kiểm định và sau khi thực hiện xong hai bên đối chiếu khối lượng và thanh toán theo từng quý như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giấy đặt hàng VTTB thử nghiệm/kiểm định định kỳ lưới 22kV khi có nhu cầu của Đội quản lý điện (ghi rõ số hợp đồng, tên gói thầu, tên hạng mục VTTB thử nghiệm/kiểm định theo với hợp đồng);</li> <li>+ Biên bản thử nghiệm/kiểm định VTTB thử nghiệm lưới 22kV theo CBM;</li> <li>+ Biên bản nghiệm thu khối lượng và hạng mục VTTB thử nghiệm/kiểm định định kỳ lưới 22kV được ký giữa Đội quản lý điện và bên B;</li> </ul>

	<p>+ Bảng quyết toán khối lượng VTTB thử nghiệm/kiểm định hàng quý của các Đội quản lý điện được ký giữa bên A và bên B;</p> <p>+ Văn bản yêu cầu thanh toán của Bên B (bản gốc);</p> <p>+ Hóa đơn GTGT do Bên B lập theo đúng quy định pháp luật và phải hoàn toàn tự chịu trách nhiệm về các hậu quả pháp lý cho hóa đơn Bên B lập.</p> <p>+ Giấy cam kết chất lượng dịch vụ của Bên B (bản gốc);</p> <p>Các tài liệu trên được đóng tập và sao y 02 bộ có xác nhận của Bên B.</p> <p>- Đồng tiền thanh toán theo hợp đồng: Việt Nam đồng</p> <p>c) Thanh lý hợp đồng: Các bên có thể thỏa thuận về việc hợp đồng tự động hết hiệu lực khi hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký hoặc ký kết biên bản thanh lý hợp đồng. Biên bản thanh lý hợp đồng có thể được lập riêng hoặc như một phần của biên bản nghiệm thu đợt cuối cùng hoặc biên bản thống nhất chấm dứt hợp đồng với nội dung phù hợp với trách nhiệm các bên đã quy định trong hợp đồng. Việc thanh lý hợp đồng phải được thực hiện trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày các bên hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký hoặc trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày hợp đồng bị chấm dứt (hủy bỏ) theo quy định của pháp luật</p> <p><b>+ Đối với trường hợp nhà thầu tham dự là liên danh: Đại diện 01 thành viên trong liên danh là đơn vị thụ hưởng tiền thanh toán của HĐ.</b></p>
<p><b>E-ĐKC 15</b></p>	<p><i>Vừa áp dụng phạt vi phạm hợp đồng vừa áp dụng bồi thường thiệt hại.</i></p> <p>1. Phạt vi phạm hợp đồng: “Áp dụng”</p> <p>Trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Mục 16 E-ĐKC, nếu Bên B thực hiện các dịch vụ không đúng thời hạn đã nêu trong hợp đồng thì Bên A có thể khấu trừ vào giá hợp đồng một khoản tiền phạt tương ứng với: 0,14%/ngày (0,14% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm cho mỗi ngày chậm trễ) cho đến khi nội dung công việc đó được thực hiện. Bên A sẽ khấu trừ đến 5%. Khi đạt đến mức phạt tối đa, Bên A có thể xem xét chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Mục 19 E-ĐKC.</p> <p>Trường hợp không kịp thời khắc phục sai sót theo thông báo của Bên A, Bên B có trách nhiệm nộp tiền phạt thực hiện hợp đồng tương ứng với 100% chi phí cần thiết để khắc phục sai sót.</p> <p>Trường hợp dịch vụ không đảm bảo chất lượng như quy định tại hợp đồng này, Bên B sẽ chịu mọi chi phí liên quan đến dịch</p>

vụ phù hợp và bị phạt 8% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm về chất lượng dịch vụ. Trường hợp do sửa chữa, thay thế mà phải kéo dài thời gian hoàn thành hợp đồng thì Bên B tiếp tục bị phạt do dịch vụ hoàn thành chậm tại Điều này. Khi đạt đến mức phạt tối đa, Bên A có thể xem xét chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Mục 19 E-ĐKC. Nếu Bên B không thực hiện dịch vụ hoàn thành chậm hoặc không đảm bảo chất lượng, căn cứ vào khối lượng vi phạm hợp đồng thực tế, Bên A sẽ khấu trừ vào giá hợp đồng một khoản tiền theo mức quy định như trên và không cần phải chứng minh bất cứ thiệt hại nào.

Tổng mức phạt khi nhà thầu vừa vi phạm cung cấp các dịch vụ không đúng thời hạn vừa vi phạm về chất lượng dịch vụ tối đa 8% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm cung cấp các dịch vụ không đúng thời hạn và vi phạm về chất lượng dịch vụ.

## 2. Bồi thường thiệt hại: “Áp dụng”

Ngoài việc thực hiện các khoản phạt vi phạm theo quy định tại điều này, Bên B còn thực hiện trách nhiệm bồi thường thiệt hại khi có phát sinh thiệt hại cho Bên A, Bên thứ ba (nếu có), mức bồi thường thiệt hại được tính theo thực tế.

Trường hợp nếu kết quả thử nghiệm từ Đơn vị thử nghiệm cung cấp cho PC Đồng Nai bị sai sót dẫn đến việc PC Đồng Nai sử dụng kết quả đó gây ra thiệt hại thì toàn bộ các thiệt hại sẽ do Đơn vị thử nghiệm bồi thường cho PC Đồng Nai.